

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2022/DS-PT

Ngày: 10 - 11 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ pháp lý*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đào.

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha.

Bà Nguyễn Thị Nhiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty luật TNHH A;

Trụ sở: đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh D – Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

Địa chỉ liên lạc: ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2019).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1957; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố S, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đào Quốc V, sinh năm 1978; Có mặt.

Địa chỉ: thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang;

Địa chỉ liên lạc: đường N, khu phố N, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2019).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1980; Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ liên lạc: ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3.2 Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1943 (chồng bà T); Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố S, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Đào Quốc V, sinh năm 1978; Có mặt.

Địa chỉ: thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang;

Địa chỉ liên lạc: đường N, khu phố N, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 03/11/2022).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty luật TNHH A (viết tắt là Công ty A) do ông Trần Anh D đại diện theo pháp luật, ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H đại diện trình bày:**

Ngày 23/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang, (viết tắt là Ủy ban P) ban hành Quyết định về việc T hồi diện tích đất 5.558,4m² đối với bà Nguyễn Minh T để thực hiện dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thom, P. Ngày 28/12/2016, Ủy ban P ban hành Quyết định số: 8000/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho bà T số tiền 6.503.315.980 đồng. Bà T không đồng ý với việc bồi thường hỗ trợ của Ủy ban P. Ngày 03/02/2017, bà T ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 62/2017/HĐ-ADL với Công ty A để khiếu nại yêu cầu Ủy ban P bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho bà T đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng dịch vụ pháp lý, Công ty A đã tư vấn cụ thể, chi tiết cho bà T theo quy định của pháp luật. Ngày 25/3/2017, nộp đơn khiếu nại đến các cơ quan có

thẩm quyền. Ngày 23/8/2017, bà T ký giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H tham gia toàn bộ quá trình giải quyết khiếu nại tại các cơ quan có thẩm quyền. Ngày 31/8/2017, ông H đại diện cho bà T làm việc với đoàn xác minh của Ủy ban P. Ngày 25/5/2018, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban P ra thông báo số: 65/TB-VP về việc thông báo kết quả của Chủ tịch Ủy ban P với nội dung giao Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát tính lại giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm có nhân hệ số điều chỉnh.

Ngày 28/11/2018, Ủy ban P ban hành Quyết định số 5409/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của bà T nội dung thống nhất bổ sung quyết định số: 8000/QĐUBND ngày 28/12/2016 về việc bồi thường, hỗ trợ và bổ sung giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm có nhân hệ số điều chỉnh giá đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị T hỏi theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/01/2019, Thanh tra P ban hành tờ trình số 01/TTr-TTr về việc xin chủ trương áp giá hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Ngày 16/01/2019, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban P ra công văn số 168/VP-NCPC nội dung thống nhất đề xuất của Thanh tra, giao Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện xong trước tết Nguyên Đán.

Ngày 24/01/2019, Ủy ban P ban hành Quyết định số: 362/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ dân. Ngày 01/02/2019, Ủy ban P đã phối hợp với các cơ quan tiến hành chi trả tiền bồi thường bổ sung cho các hộ dân, trong đó bà T đã nhận số tiền là 1.018.632.300 đồng.

Theo Điều 3 của hợp đồng dịch vụ thì bà T phải thanh toán cho Công ty luật Anh Dũng số tiền $1.018.632.300 \text{ đồng} \times 50\% = 509.316.150 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, khi bà T nhận được tiền cho đến nay Công ty A đã nhiều lần đề nghị bà T thanh toán tiền dịch vụ pháp lý nhưng bà T không thực hiện.

Ngày 22/4/2019, Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải thanh toán cho Công ty A tiền dịch vụ pháp lý là 1.247.824.567 đồng (trong đó, tiền dịch vụ pháp lý 509.316.150 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là 229.192.267 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 509.316.150 đồng).

Ngày 08/10/2019, Công ty A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 509.316.150 đồng đối với bà T. Ngày 08/01/2020, Công ty A có đơn khởi kiện yêu cầu bổ sung công nhận hợp đồng dịch vụ pháp lý số 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017 giữa Công ty A với bà Nguyễn Minh T là hợp pháp. Công nhận giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Minh T với ông Nguyễn Thanh H xác lập ngày 23/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường An Thới là hợp pháp.

Ngày 08/5/2021, Công ty A có đơn xin rút số tiền lãi theo hợp đồng là 229.192.267 đồng.

Nay Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty A tiền dịch vụ pháp lý 509.316.150 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía Công ty A chỉ yêu cầu bà T trả cho Công ty A số tiền 250.000.000 đồng.

*** *Tại đơn phản tố, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Minh T do người đại diện theo ủy quyền là ông Đào Quốc V trình bày:***

Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017 giữa bà T với Công ty A có nội dung ký kết không rõ ràng, gây nhầm lẫn và mang tính chất lừa dối với bà T. Bà T chưa hề gặp mặt ông Trần Anh D là giám đốc Công ty A và cũng chưa đến trụ sở của Công ty A đặt tại thành phố Vũng Tàu để bàn bạc hay thỏa Tận để ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty A, nhưng hợp đồng lại ghi ký kết tại Công ty A là không đúng thực tế. Mặt khác, ông Nguyễn Thanh H không phải là người đại diện của Công ty A mà lại soạn hợp đồng dịch vụ pháp lý mang danh nghĩa Công ty A cùng bà T đến thị trấn An Thới ký là trái quy định nên mọi thỏa Tận giữa Công ty A với bà T là vô hiệu. Ngoài ra, hợp đồng dịch vụ là do nhóm của ông Nguyễn Thanh H tự soạn sẵn và mang đến Ủy ban phường An Thới cho bà T ký và không hề giải thích nội dung của hợp đồng cho bà T biết và cũng không giao cho bà T 01 bản nào. Đồng thời hợp đồng có 03 trang trong đó, trang 01 và trang 03 có chữ ký của bà T còn trang 02 không có chữ ký của bà T, Công ty không cử luật sư tham gia các buổi đối thoại do UBND thành phố P tổ chức và ông H cũng không báo kết quả cho bà T biết. Do đó, nội dung của trang 02 bà T không chịu trách nhiệm cho nên việc ký kết là không trung thực, thiếu khách quan nên không làm phát sinh hiệu lực.

Ngày 03/12/2019, bà T có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng dịch vụ pháp lý số 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017, giữa Công ty A với bà Nguyễn Minh T là vô hiệu. Hủy hợp đồng pháp lý số 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017, giữa Công ty A với bà Nguyễn Minh T. Hủy giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Minh T ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H đã xác lập ngày 23/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường An Thới.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày:***

Ông là nhân viên của Công ty A cử đến P tham khảo một số hồ sơ liên quan đến việc bồi thường. Công ty phân công ông đại diện cho bà T làm việc với đoàn xác minh. Khi có kết quả giải quyết khiếu nại bà T đã nhận được tiền bồi thường nhưng không thanh toán tiền dịch vụ pháp lý cho Công ty A. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Đ: Thống nhất với ý kiến của bà T.***

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang quyết định:**

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty luật TNHH A đối với bị đơn bà Nguyễn Minh T về việc xin rút yêu cầu tiền phạt vi phạm hợp đồng là 509.316.150 đồng. Rút yêu cầu tiền lãi chậm trả theo hợp đồng là 229.192.267 đồng. Rút một phần yêu cầu về việc buộc bà Nguyễn Minh T phải thanh toán số tiền thù lao dịch vụ pháp lý là 259.316.150.000đ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty luật TNHH A đối với bị đơn bà Nguyễn Minh T về tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý.

Bác yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Minh T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng dịch vụ pháp lý số 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017, giữa Công ty A với bà Nguyễn Minh T là vô hiệu. Hủy giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Minh T ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H đã xác lập ngày 23/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường An Thới.

Công nhận hợp đồng dịch vụ pháp lý số 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017, giữa Công ty TNHH một thành viên Anh Dũng với bà Nguyễn Minh T. Công nhận giấy ủy quyền xác lập ngày 23/8/2017 giữa bà Nguyễn Minh T với ông Nguyễn Thanh H.

Buộc bà Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thù lao dịch vụ pháp lý cho Công ty luật TNHH A do ông Trần Anh D đại diện theo pháp luật số tiền là 250.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

*** Ngày 01/8/2022, bị đơn bà Nguyễn Minh T kháng cáo với nội dung:** Yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty luật TNHH A; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Minh T.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Minh T trình bày: Bà T giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu miễn giảm án phí cho bà T.

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Công ty luật TNHH A và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H có đơn xin vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lê Minh T về miễn giảm án phí cho bà T. Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của vị đại viện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Minh T yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty luật TNHH A và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Minh T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty A khởi kiện bị đơn là bà Nguyễn Minh T yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty luật TNHH A tiền dịch vụ pháp lý theo hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017 với số tiền 250.000.000 đồng. Bị đơn bà Lê Minh T không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty luật TNHH A và phản tố yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ pháp lý trên.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty luật TNHH A.

Cấp sơ thẩm nhận định, bà T ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty luật TNHH A và ký ủy quyền cho ông H đại diện thực hiện khiếu nại cho bà T là hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017 giữa Công ty luật TNHH A với bà T đảm bảo các Điều kiện có hiệu lực, phù hợp quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự quy định: *“Hợp đồng dịch vụ là sự thỏa Tận giữa các bên, theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ”*. Bà T ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty luật TNHH A thì phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa Tận đã ghi trong hợp đồng.

Tại Điều 1 của hợp đồng bị đơn nhận thấy Quyết định số: 7958 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án chưa đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, nên bà T yêu cầu Công ty luật TNHH A tư vấn pháp luật, hoàn thiện hồ sơ khiếu nại để yêu cầu UBND thành phố P bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho bà T theo quy định của pháp luật.

Tại Điều 2 của hợp đồng bà T cam kết thanh toán cho Công ty luật TNHH A tiền dịch vụ là 50% trên tổng số tiền mà bà T đã được nhận bồi thường bổ sung. Phương thức thanh toán khi bà T nhận được tiền bồi thường bổ sung sẽ thanh toán cho Công ty luật TNHH A một lần. Nếu không thực hiện việc thanh toán thì bà T chịu phạt chậm trả 0,5% /ngày tính từ ngày bà T nhận tiền. Công ty luật TNHH A đã hoàn thành nghĩa vụ, bà T đã nhận tiền bổ sung số tiền 1.018.632.300 đồng.

Do đó, Công ty luật TNHH A chỉ yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ pháp lý theo hợp đồng với số tiền là 250.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Minh T.

Cấp sơ thẩm nhận định, việc bà T cho rằng bà T ký hợp đồng với ông H là do bà T không xem xét kỹ hợp đồng, nên bà T không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty luật TNHH A, nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu phản tố của bà T. Mặt khác, hợp đồng dịch vụ pháp lý chỉ có bà T ký, ông Đ biết nhưng không phản đối, bà T ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty luật TNHH A tư vấn pháp lý và hỗ trợ khiếu nại nhằm mục đích để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T trong đó có lợi ích của ông Đ. Tuy nhiên, nguyên đơn Công ty luật TNHH A chỉ yêu cầu bà T trả cho Công ty luật TNHH A số tiền là 250.000.000 đồng, cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Minh T yêu cầu được miễn giảm án phí của bị đơn bà Nguyễn Minh T do bà T là người cao tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin được miễn giảm án phí của bà T do người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà T yêu cầu phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định miễn toàn bộ án phí cho bị đơn bà Nguyễn Minh T. Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bà T về miễn toàn bộ án phí cho bà T là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

Từ những căn cứ nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Minh T về phần án phí. Sửa bản dân sự sơ thẩm số:

55/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty luật TNHH A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 24.717.368 đồng theo biên lai T số 0006665 ngày 29/8/2019 và 600.000 đồng theo biên lai T số 0007027 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho bị đơn bà Nguyễn Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai T tiền số 0006872 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho bị đơn bà Nguyễn Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai T tiền số 0000410 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Minh T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 518 và Điều 519, Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty luật TNHH A đối với bị đơn bà Nguyễn Minh T về việc yêu cầu tiền phạt vi phạm hợp đồng là 509.316.150 đồng (Năm trăm không chín triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm năm mươi đồng); yêu cầu tiền lãi chậm trả theo hợp đồng là 229.192.267 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng) và yêu cầu về việc buộc bà Nguyễn Minh T phải thanh toán số tiền thù lao dịch vụ pháp lý là 259.316.150đ (Hai trăm năm mươi chín triệu ba trăm mười sáu nghìn một trăm năm mươi đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty luật TNHH A đối với bị đơn bà Nguyễn Minh T về tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Minh T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng dịch vụ pháp lý số 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017, giữa Công ty A với bà Nguyễn Minh T là vô hiệu. Hủy giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Minh T ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H đã xác lập ngày 23/8/2017 tại Ủy ban nhân dân phường An Thới.

4. Công nhận hợp đồng dịch vụ pháp lý số 62/2017/HĐ-ADL ngày 03/02/2017, giữa Công ty TNHH một thành viên Anh Dũng với bà Nguyễn Minh T. Công nhận giấy ủy quyền xác lập ngày 23/8/2017 giữa bà Nguyễn Minh T với ông Nguyễn Thanh H.

5. Buộc bị đơn bà Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ trả tiền thù lao dịch vụ pháp lý cho Công ty luật TNHH A do ông Trần Anh D đại diện theo pháp luật số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty luật TNHH A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 24.717.368 đồng theo biên lai T số 0006665 ngày 29/8/2019 và 600.000 đồng theo biên lai T số 0007027 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Hoàn trả cho bị đơn bà Nguyễn Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai T tiền số 0006872 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho bị đơn bà Nguyễn Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai T tiền số 0000410 ngày 17/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND Tp P;
- Chi cục THADS Tp P;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo